TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh

Ông Nguyễn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tôn Văn T, sinh năm 1986 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1984 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Tôn Văn T1:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2017 qua thời gian tìm hiểu nên ông T và bà N1nguyện sống cùng nhau dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình nhưng đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Sau khi sống chung thì ông bà sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể dung hòa được dẫn đến việc ông bà không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân.

Hiện tại ông bà sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân ông bà không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Nay tình cảm ông bà không thể tồn tại, đời sống chung không đạt hạnh phúc nên ông T2cầu ly hôn với bà Lê Thị N.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Tôn Nữ Nhật H (nữ), sinh ngày 12/4/2021. Từ khi sống ly thân thì cháu N1 H1với ông T3khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm chung sống như ông T trình bày là đúng. Sau khi sống chung thì ông bà sống hạnh phúc nhưng từ năm 2023 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên ông bà tự nguyện sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông bà không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với nhau. Nay ông T cương quyết ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Tôn Nữ Nhật H(nữ), sinh ngày 12/4/2021. Từ khi sống ly thân thì cháu N2 sống với ông T, nay ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn thì bà đồng ý, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Tôn Văn T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị N, đây là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Lê Thị N3 cư trú tại ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Tôn Văn T và bà Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu này của ông T và bà N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông Tôn Văn T và bà Lê Thị N4 với nhau từ năm 2017 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên bất hòa do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T và bà N sống ly thân từ năm 2023 đến nay, trong thời gian ly thân giữa hai đương sự vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T4bà N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, hôn nhân của ông T4bà N không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tôn Văn T5bà Lê Thị N5.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Tôn Nữ Nhật H(nữ), sinh ngày 12/4/2021. Từ khi ông T5bà N5ly thân thì cháu N1 H1với ông T, khi ly hôn ông T6yêu cầu được tiếp tục nuôi con và bà N6đồng ý giao cháu N1 H2ông T7tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Tôn Nữ Nhật H(nữ), sinh ngày 12/4/2021 cho ông T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, ông Tôn Văn T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông T8đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tôn Văn T5bà Lê Thị N5.

- Về con chung: Giao cháu Tôn Nữ Nhật H(nữ), sinh ngày 12/4/2021 cho ông T7tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng ông Tôn Văn T phải chịu. Ngày 02 tháng 11 năm 2023, ông T đã

nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016349 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, ông T không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Khánh